

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DS-ST

Ngày: 10-5-2024

“V/v tranh chấp về hợp đồng mua
bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 504/2023/TLST-DS ngày 27/12/2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-DS ngày 05/4/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N);

Người đại diện theo pháp luật: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của H kinh doanh Hoàng H1: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1968; Hộ khẩu thường trú: Số B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2023); (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Chị Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) là bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Nguyên vào năm 2019 đến năm 2021, gia đình chị Lê Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn L có mua các vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,...) tại Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) do chị Nguyễn Thị N làm chủ. Việc mua bán được gói đầu, gia đình chị B và anh L đến mua vật tư nông nghiệp về làm vườn, sau khi mùa vụ kết thúc thì gia đình gia đình chị B và anh L sẽ đến cửa hàng để thanh toán số tiền còn nợ. Khi giao hàng cho gia đình gia đình chị B và anh L thì cửa hàng có ghi vào quyển sổ theo dõi số tiền còn nợ, số tiền gia đình chị B và anh L đã thanh toán. Tuy nhiên, gia đình chị B và anh L đã kết thúc mùa vụ của lần mua cuối nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ lại của H kinh doanh Hoàng H1 (Nguyễn Thị N) là 6.631.000 đồng. Mặc dù, Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) đã nhiều lần liên hệ, đề nghị gia đình chị B và anh L thanh toán số tiền còn nợ nhưng gia đình chị B và anh L hứa hẹn nhiều lần đến nay vẫn chưa thanh toán xong.

Nay Hộ kinh doanh H (Nguyễn Thị N) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh chị Lê Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Hoàng H1 số tiền còn nợ mua bán vật tư nông nghiệp là 6.631.000 đồng và lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 06/5/2021 đến ngày 02/12/2023 (33 tháng) là 1.816.000 đồng và lãi chậm trả được tính tiếp tục cho đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xong vụ án. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 8.447.000 đồng.

- Đối với bị đơn Lê Thị Ngọc B: Chị B đã được Tòa án triệu tập họp lệ để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có người đại diện tham gia phiên họp và phiên tòa. Tuy nhiên, theo Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 22/01/2024, chị B trình bày: Vào khoảng năm 2019 đến 2021, chị B có mua vật tư nông nghiệp của Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) về để canh tác, sử dụng để trồng cây hoa màu, đất canh tác là chị B thuê. Thời điểm chị B thuê đất làm rẫy để sinh sống thì anh Nguyễn Văn L (chồng chị B) không có phụ giúp chị B, hiện tại chị B và anh L vẫn còn đang sống chung. Sau này anh L có làm thuê, chị B cũng làm thuê để sinh sống và lo cho gia đình, các con. Nay chị B đồng ý trả cho Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) số tiền còn nợ mua vật tư nông nghiệp là 6.631.000 đồng, không đồng ý trả lãi chậm trả.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ

án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N). Buộc chị Lê Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Hoàng H1 (Nguyễn Thị N) số tiền nợ gốc là 6.631.000 đồng và nợ lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) là bà Nguyễn Thị H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn Lê Thị Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc: Xét thấy, H kinh doanh H (Nguyễn Thị N) yêu cầu chị Lê Thị Ngọc B có nghĩa vụ liên đới trả cho Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) số tiền còn nợ mua bán vật tư nông nghiệp là 6.631.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) cung cấp bản chính Sổ theo dõi, ghi lại cụ thể các lần mua bán và có chữ ký tên, ghi họ tên xác nhận số tiền còn nợ lại của chị B là 6.631.000 đồng và tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 22/01/2024, chị B thừa nhận còn nợ H kinh doanh Hoàng H1 (Nguyễn Thị N) số tiền 6.631.000 đồng, nhưng không đồng ý trả lãi chậm trả. Như vậy, đây được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 và được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả: Xét thấy, việc mua bán giữa nguyên đơn Hộ kinh doanh H (Nguyễn Thị N) với bị đơn Lê Thị Ngọc B theo hình thức gói đầu, thanh toán theo từng đợt sau khi mùa vụ kết thúc và không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả. Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự thì: *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*. Do đó, việc nguyên đơn Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả 0,83%/tháng, tính từ 06/5/2021 (ngày thanh toán cuối cùng) đến ngày 10/5/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 36,67 tháng với số tiền là 2.018.217 đồng phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) được chấp nhận toàn bộ và bị đơn Lê Thị Ngọc B không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) là bà Nguyễn Thị H2 và bị đơn Lê Thị Ngọc B đều vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 và khoản 25 Điều 70, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 429, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của H kinh doanh H (Nguyễn Thị N).

2. Buộc chị Lê Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Hoàng H1 (Nguyễn Thị N) số tiền 8.649.217 đồng (Tám triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Chị Lê Thị Ngọc B phải chịu số tiền 432.400 đồng (Bốn trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0003472, ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Hộ kinh doanh H3 (Nguyễn Thị N) và chị Lê Thị Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thành Nhân